

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **76**/XNK-NS

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021

V/v các nước thành viên WTO
thông báo Dự thảo quy định về
SPS từ ngày 01 đến ngày 15 tháng
3 năm 2021

Kính gửi:

- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Hiệp hội ngành hàng nông sản, thực phẩm.

Văn phòng SPS Bộ Công Thương - Cục Xuất nhập khẩu nhận được văn bản số 38/SPS-BNNVN ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Văn phòng SPS Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật về quy định SPS của các nước thành viên WTO từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng SPS Bộ Công Thương xin thông tin về 44 thông báo bao gồm dự thảo và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của các nước thành viên WTO có thể ảnh hưởng đến mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam tới quý Cơ quan, đồng thời đề nghị quý Cơ quan phổ biến, thông tin rộng rãi đến các doanh nghiệp hội viên và các doanh nghiệp trên địa bàn để biết và chủ động kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Trong trường hợp các quy định về SPS nêu trên có khả năng gây tác động trực tiếp, đa chiều đến hoạt động xuất khẩu nông sản, thực phẩm của doanh nghiệp, đề nghị phản hồi kịp thời đến Văn phòng SPS Việt Nam (địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội; điện thoại: 024.37344764; email: spsvietnam@mard.gov.vn) hoặc Văn phòng SPS Bộ Công Thương (địa chỉ: số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội; điện thoại: 024.22205438; email: xnk-ns@moit.gov.vn) để xây dựng phương án xử lý phù hợp, tránh gây ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu hàng hóa.

Văn phòng SPS Bộ Công Thương - Cục Xuất nhập khẩu trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Quốc Khánh (để b/c);
- Văn phòng SPS Việt Nam (Bộ NN&PTNT);
- Các Vụ: AP, AM (để biết);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, NS, linhttm.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC

Danh sách thông báo dự thảo các quy định về SPS của các nước thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 3 năm 2021

(Ban hành kèm theo văn bản số /XNK-NS ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương)

A. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐANG XIN Ý KIẾN CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

TT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề	Tóm tắt
1	G/SPS/N/USA/3232	Hoa Kỳ	01/3/2021	Dự thảo dư lượng thuốc trừ sâu chất tetraniliprole. Quy tắc cuối cùng	Thông báo về việc quy định mới thiết lập dung sai đối với dư lượng của chất tetraniliprole có trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa được xác định và thảo luận trong tài liệu đính kèm này.
2	G/SPS/N/USA/3231	Hoa Kỳ	01/3/2021	Biên nhận một số kiến nghị về tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc kiến nghị và đề nghị góp ý	Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ các kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau.
3	G/SPS/N/USA/3230	Hoa Kỳ	01/3/2021	Biên nhận một số kiến nghị về tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc kiến nghị và đề nghị góp ý	Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau.
4	G/SPS/N/UKR/145/ Add.1	Ukraine	01/3/2021	Cập nhật dự thảo Sắc lệnh của Bộ Phát triển Kinh tế, Thương mại và Nông nghiệp Ukraine "Về việc phê duyệt thủ tục và các yêu cầu đặc biệt đối với ghi nhãn và danh mục thực phẩm bắt buộc phải ghi	Dự thảo cập nhật Sắc lệnh phê duyệt thủ tục thiết lập cơ chế và yêu cầu đặc biệt đối với việc ghi nhãn thực phẩm bắt buộc phải ghi rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc nơi xuất xứ và bổ sung thêm hai nhóm hàng hóa mới là mật ong và dầu ô liu. Nhóm sản phẩm hiện có "thịt" được bổ sung thêm các mục mới "truy

				rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc nơi xuất xứ"	xuất nguồn gốc" và "thành phần và kích thước của nhóm động vật". Lệnh sẽ có hiệu lực kể từ ngày được công bố và sẽ được ban hành sau ba năm kể từ ngày có hiệu lực. Các sản phẩm thực phẩm, theo Lệnh này, bắt buộc phải chỉ ra quốc gia xuất xứ hoặc nơi xuất xứ, tuân thủ các yêu cầu của luật pháp để cung cấp cho người tiêu dùng thông tin về các sản phẩm thực phẩm có hiệu lực trước khi ban hành Sắc lệnh này nhưng không đáp ứng các yêu cầu của Sắc lệnh này, có thể được lưu hành cho đến thời hạn sử dụng tối thiểu hoặc "sử dụng trước " ngày.
5	G/SPS/N/KEN/142	Kenya	02/3/2021	Quy định kỹ thuật số DKS 2934:2021 sữa không chứa lactose.	Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sữa không chứa lactose.
6	G/SPS/N/EU/462	Liên minh Châu Âu	02/3/2021	Quyết định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/361 ngày 22 tháng 2 năm 2021 đặt ra các biện pháp khẩn cấp đối với các hoạt động di chuyển giữa các quốc gia thành viên và việc xâm nhập vào Liên minh các lô hàng kỳ nhông liên quan đến việc nhiễm vi khuẩn <i>Batrachochytrium salamandrivorans</i>	Các biện pháp thú y đối với việc vận chuyển các lô hàng kỳ nhông giữa các quốc gia thành viên EU và việc nhập các lô hàng đó vào Liên minh để đảm bảo rằng nấm <i>Batrachochytrium salamandrivorans</i> (Bsal) không lây lan bởi những động vật đó. Quyết định thực thi hiện tại có liên quan của Ủy ban (EU) 2018/320 áp dụng cho đến ngày 21 tháng 4 năm 2021. Các biện pháp mới theo Quyết định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/361 sẽ áp dụng từ ngày 21 tháng 4 năm 2021. Các biện pháp này chỉ mang tính chất tạm thời. Hầu hết các biện pháp giảm thiểu rủi ro, đặc biệt là kiểm dịch tại một cơ sở

					thích hợp, kiểm tra và xử lý kỳ nông buôn bán và du nhập phải được thực hiện bởi các cơ quan thú y có thẩm quyền, các nhà khai thác và các phòng thí nghiệm nằm trong Liên minh. Tất cả các lô hàng kỳ nông được vận chuyển để buôn bán trong nội bộ Liên minh hoặc nhập cảnh vào Liên minh đều phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro.
7	G/SPS/N/KEN/143	Kenya	3/3/2021	Quy định kỹ thuật sốDKS 1756: 2021 sữa có hương vị	Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sữa có hương vị.
8	G/SPS/N/CHN/1202	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm cyanocobalamin hydrochloride	Tiêu chuẩn này áp dụng cho cyanocobalamin hydrochlorua, một chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm, được điều chế bằng cách tổng hợp hóa học từ cyanocobalamin thu được từ quá trình chuyển đổi và kết tinh của dịch lên men có chứa cobalamin được tạo ra bằng quá trình lên men vi sinh vật.
9	G/SPS/N/CHN/1201	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm khử Sắt	Tiêu chuẩn này áp dụng cho chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm đã khử sắt được sản xuất bằng cách khử trực tiếp từ than đá hoặc khử trực tiếp bằng khí với photpho sắt hoặc sắt cô đặc làm nguyên liệu thô. Quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm đã khử sắt.

10	G/SPS/N/CHN/1200	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm natri molybdate	Tiêu chuẩn này áp dụng cho natri molybdat bổ sung dinh dưỡng thực phẩm thu được bằng cách lọc, cô đặc, làm lạnh, ly tâm và làm khô từ dung dịch natri molybdat. Và dung dịch natri molybdat được rửa trôi bởi natri hydroxit từ molybden trioxit thu được bằng cách nung cô đặc molybden. Quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với natri molybdat.
11	G/SPS/N/CHN/1199	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng canxi glycerophosphat.	Tiêu chuẩn này áp dụng cho chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm canxi glycerophosphat trung hòa với glycerophosphat và canxi hydroxit hoặc canxi cacbonat.
12	G/SPS/N/CHN/1198	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm mangan clorua	Tiêu chuẩn này áp dụng cho mangan clorua bổ sung dinh dưỡng thực phẩm, được điều chế bằng phản ứng điện phân mangan hoặc mangan cacbonat với axit clohydric.
13	G/SPS/N/CHN/1197	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm Đồng Carbonat.	Tiêu chuẩn này áp dụng cho đồng cacbonat bổ sung dinh dưỡng thực phẩm được làm từ natri cacbonat hoặc natri bicacbonat, muối đồng hòa tan hoặc đồng catốt (đồng điện phân), amoniac lỏng, cacbon đioxit làm nguyên liệu.
14	G/SPS/N/CHN/1196	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm ferrous citrate.	Tiêu chuẩn này áp dụng cho xitrat sắt bổ sung dinh dưỡng thực phẩm, được phản ứng bởi cacbonat sắt (phản ứng từ sunfat sắt và natri cacbonat) với axit xitric. Các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra của citrate sắt bổ sung dinh dưỡng thực phẩm được quy định.

15	G/SPS/N/CHN/1195	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm L-carnitine tartrate	Tiêu chuẩn này áp dụng cho chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm L-carnitine tartrate, được tạo ra từ phản ứng của L-carnitine và axit tartaric phụ gia thực phẩm.
16	G/SPS/N/KOR/708	Republic of Korea	08/3/2021	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật về dán nhãn và quảng cáo thực phẩm"	Thực phẩm, v.v... phải được dán nhãn cả "ngày bán" và "ngày sử dụng".
17	G/SPS/N/CHN/1206	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Nuôi cấy vi sinh vật thực phẩm	Tiêu chuẩn này áp dụng cho nuôi cấy vi sinh vật thực phẩm. Tiêu chuẩn này quy định các thuật ngữ, định nghĩa, yêu cầu kỹ thuật, v.v...
18	G/SPS/N/CHN/1205	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Giới hạn fluoride trong trà nén và các sản phẩm của nó	Tiêu chuẩn này quy định giới hạn fluoride, phạm vi áp dụng và phương pháp thử hàm lượng fluoride của trà nén và các sản phẩm của nó.
19	G/SPS/N/CHN/1204	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Tinh bột ăn được.	Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho tinh bột ăn được.
20	G/SPS/N/CHN/123	Trung Quốc	08/3/2021	"Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm vitamin C magiê phốt phát"	Sau "Bảng 2. Chỉ số hóa lý", nhận xét được thêm vào: "Dung môi là dung dịch axit clohydric 0,1 mol/L, và nồng độ khối lượng của thành phần hữu hiệu trong mỗi 100 mL dung dịch là 1 g/mL".
21	G/SPS/N/CHN/1159/ Add.1	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Thực hành sản xuất tốt công thức bột cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	Dựa trên tài liệu số G/SPS/N/CHN/1159 được thông báo vào ngày 12 tháng 5 năm 2020, các thuật ngữ và định nghĩa trong chương 2, nhà xưởng và thiết bị trong chương 4, cơ sở và thiết bị trong chương 5, và kiểm soát an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất ở chương 8 chủ yếu được sửa đổi, và việc nhấn mạnh vào các yêu cầu kỹ

					thuật liên quan đến thực phẩm sữa công thức dạng lỏng được bổ sung.
22	G/SPS/N/CHN/1066/ Add.1	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Quy tắc thực hành vệ sinh đối với thịt nấu chín	Dựa trên tài liệu số G/SPS/N/CHN/1066 được thông báo vào ngày 16 tháng 3 năm 2018, các sửa đổi chủ yếu được thực hiện đối với khung tiêu chuẩn, thiết kế bố trí nhà xưởng, cơ sở vật chất và thiết bị, quản lý vệ sinh, kiểm soát an toàn quy trình sản xuất, bảo quản và vận chuyển, và nội dung phụ lục.
23	G/SPS/N/CAN/1358/ Corr.1	Canada	08/3/2021	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho pydiflumetofen: Điều chỉnh	Bản đính chính này làm rõ giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho ngọn củ cải được trích dẫn trong thông báo G/SPS/N/CAN/1358. Thông báo đề xuất giới hạn dư lượng tối đa là 10 ppm đối với ngọn củ cải; tuy nhiên, dựa trên nhóm cây trồng quy định hóa chất tồn dư hiện tại, mô tả cây trồng là lá củ cải, một loại hàng hóa thuộc phân nhóm cây trồng 4-13B. Hơn nữa, dựa trên dữ liệu về dư lượng đã được đề xuất, MRL là 50 ppm cho phân nhóm cây trồng 4-13B áp dụng cho dư lượng pydiflumetofen tiềm ẩn trong lá củ cải.
24	G/SPS/N/ZAF/69/ Add.1	Nam Phi	09/3/2021	Việc sử dụng giấy in A4 thông thường khi cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật	Tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia Nam Phi (NPPOZA) sẽ ngừng sử dụng giấy gốc cho giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ được in trên giấy in A4 thông thường. Các đối tác thương mại cần lưu ý rằng Nam Phi sẽ ngừng sử dụng giấy gốc có các tính năng bảo mật trong

					<p>thương mại quốc tế. Sau đây là các đặc điểm của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ được in trên giấy A4 thông thường:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy chứng nhận có số sê-ri và số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Ở góc trên cùng bên phải có một mã vạch với số sê-ri; 2. Có mã vạch và mã QR thứ hai như một tính năng bảo mật bổ sung; 3. Số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất hiện giữa mã QR và mã vạch. Đây là con số được sử dụng trong bất kỳ cuộc trao đổi nào liên quan đến giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đã được cấp; 4. Số kiểm dịch thực vật mới bắt đầu bằng NPPO-ZA/yyyy/mm/number; 5. Chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử sẽ chỉ chứa số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật mới. <p>Lưu ý: Từ ngày 1 tháng 4 năm 2021, NPPOZA sẽ in giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật trên giấy A4 thông thường. Các đối tác thương mại có khả năng xác minh các giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đã được chứng nhận bằng cách sử dụng trang website: https://app.ecert.co.za/VerifyCertificate/ExternalVerification</p>
25	G/SPS/N/EU/463	Liên minh Châu Âu	09/3/2021	Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/363 ngày 26 tháng 2 năm 2021 liên quan đến việc cho phép điều chế <i>fumonisin esterase</i>	Quy định (EC) số 1831/2003 quy định về việc cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong dinh dưỡng động vật và thủ tục để cấp phép. Theo Điều 7 của quy định này, một

				<p>được sản xuất bởi <i>Komagataella phaffii</i> DSM 32159 như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật</p>	<p>đơn đăng ký đã được đệ trình để được cấp phép điều chế <i>fumonisin esterase</i> được sản xuất bởi <i>Komagataella phaffii</i> DSM 32159. Đơn này kèm theo các chi tiết và tài liệu liên quan đến việc cho phép chế phẩm <i>fumonisin esterase</i> được sản xuất bởi <i>Komagataella phaffii</i> DSM 32159 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, được phân loại trong danh mục phụ gia "phụ gia công nghệ". Cơ quan an toàn thực phẩm châu Âu ("Cơ quan") đã kết luận vào ngày 01 tháng 7 năm 2020 rằng, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, việc bào chế <i>fumonisin esterase</i> được sản xuất bởi <i>Komagataella phaffii</i> DSM 32159 không có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe động vật, an toàn với người tiêu dùng và môi trường. Đồng thời chất phụ gia này không độc khi hít phải và khả năng tiếp xúc qua đường hô hấp là thấp nhưng không thể loại trừ nguy cơ mẫn cảm qua đường hô hấp. Chất phụ gia này không gây kích ứng cho da và mắt và không được coi là chất gây mẫn cảm cho da. Do đó, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia. Cơ quan này cũng kết luận rằng chế phẩm liên quan có khả năng phân hủy <i>fumonisin</i> trong thức ăn lên men (với hàm lượng <i>fumonisin</i> trong giới hạn hoạt động của Liên minh) nhưng chỉ trong thức ăn ủ chua, không có trong thức ăn lên</p>
--	--	--	--	--	--

					men khác. Cơ quan có thẩm quyền cho rằng không cần có các yêu cầu cụ thể về giám sát sau thị trường. Nó cũng xác minh báo cáo về các phương pháp phân tích phụ gia thức ăn trong thức ăn chăn nuôi do phòng thí nghiệm tham chiếu thiết lập theo quy định (EC) số 1831/2003. Việc đánh giá việc điều chế <i>fumonisin esterase</i> được sản xuất bởi <i>Komagataella phaffii DSM 32159</i> cho thấy rằng các điều kiện để được cấp phép, như quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003, đã được đáp ứng. Theo đó, việc sử dụng chế phẩm này phải được cho phép.
26	G/SPS/N/BRA/1901	Brazil	09/3/2021	Dự thảo thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống (nhóm 4, phân lớp 3) của ớt và hạt tiêu (<i>Capsicum annuum</i>), từ bất kỳ nguồn nào, ngoại trừ các nước thành viên của MERCOSUR	Dự thảo thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống (nhóm 4, phân lớp 3) của ớt và hạt tiêu (<i>Capsicum annuum</i>), từ bất kỳ nguồn nào, ngoại trừ các nước thành viên của Cộng đồng thị trường Nam Mỹ (MERCOSUR).
27	G/SPS/N/BRA/1684/Add.2	Brazil	09/3/2021	Chỉnh sửa Nghị quyết - RDC số 466, ngày 10 tháng 2 năm 2021	Chỉnh sửa Nghị quyết - RDC số 466, ngày 10 tháng 2 năm 2021 - đã được thông báo trước đó qua G/SPS/N/BRA/1684/Add.1 - thiết lập các dung môi chiết xuất và chế biến được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm và nguyên liệu, đã được cải chính.
28	G/SPS/N/BRA/1527/Add.3	Brazil	09/3/2021	Điều chỉnh Chỉ thị số 51, ngày 19 tháng 11 năm 2019	Điều chỉnh Chỉ thị số 51, ngày 19 tháng 11 năm 2019 Phụ lục I của Chỉ thị số 51, ngày 19 tháng 11 năm 2019 - đã được thông báo

					trước đó qua G/SPS/N/BRA/1527/Add.2 - thiết lập MRL cho thuốc thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật, đã được cải chính.
29	G/SPS/N/AUS/502/Add.7	Úc	09/3/2021	Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đốt (Khapra) - thông tin thêm về các biện pháp xử lý container đường biển hiện có sẵn trực tuyến	<p>Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đốt (Khapra) - Thông tin thêm về các biện pháp xử lý container đường biển hiện nay có sẵn trực tuyến, ngày 4 tháng 8 năm 2020, Úc đã ban hành thông báo SPS (G/SPS/N/AUS/502) tới các đối tác thương mại về ý định thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo vệ nước Úc trước sự xâm nhập và lây lan của một cứng đốt khapra (<i>Trogoderma granarium</i>).</p> <p>Như đã thông báo số G/SPS/N/AUS/502/Add.6, việc thực hiện giai đoạn 6A của các biện pháp khẩn cấp sẽ bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2021. Giai đoạn 6A sẽ đưa ra các yêu cầu xử lý bắt buộc ngoài khơi đối với các container đường biển có rủi ro.</p> <p>Để hỗ trợ các bên liên quan chuẩn bị cho việc thực hiện giai đoạn 6A, một trang web cụ thể phác thảo các biện pháp xử lý các container đường biển đã được công bố. Trang web này có thể được truy cập tại: https://www.agosystemure.gov.au/pests-diseases-weeds/plant/khapra-beetle/sea-containermeasures.</p>

					<p>Trang web bao gồm thông tin mới hoặc cập nhật về các thành phần sau của các biện pháp khẩn cấp giai đoạn 6A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày thực hiện; - Các lựa chọn xử lý, tỷ lệ và yêu cầu; - Các nhà cung cấp biện pháp xử lý được chấp thuận; - Yêu cầu chứng nhận xử lý; - Các phiên thông tin tháng 2 năm 2021 (xem G/SPS/N/AUS/502/Add.6). Lưu ý rằng mặc dù các biện pháp này sẽ bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2021, ngày bắt đầu sẽ bị thay đổi tùy thuộc vào loại container có rủi ro. <p>Lưu ý: Việc không tuân thủ các yêu cầu này sẽ ảnh hưởng đến việc xuất khẩu container khi đến Úc.</p> <p>Thông tin thêm về các biện pháp khẩn cấp đối với container đường biển có thể được tìm thấy trên trang web để bảo vệ khỏi một cứng đốt khapra (<i>Trogoderma granarium</i>). Thông báo SPS này sẽ được công bố để thông báo các biện pháp và ngày thực hiện cho các giai đoạn tiếp theo. Các điều kiện nhập khẩu hoàn chỉnh và chi tiết liên quan đến các biện pháp sẽ được nêu trong hệ thống điều kiện nhập khẩu an toàn sinh học (BICON) trước ngày thực hiện.</p> <p>Đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các câu hỏi và thông tin liên quan trực tiếp đến các phương pháp xử lý một cứng đốt khapra ngoài khơi, vui lòng gửi email tới địa
--	--	--	--	--	---

					<p>chỉ offhoretreatments@agosystemure.gov.au; - Tất cả các câu hỏi khác liên quan đến các biện pháp này, vui lòng gửi email tới import@agosystemure.gov.au (vui lòng đặt tiêu đề cho dòng tiêu đề của email là "Plant Tier 2 - Các hành động khẩn cấp khapra").</p>
30	G/SPS/N/UGA/146	Uganda	10/3/2021	DUS 2245: 2020, an toàn thực phẩm – Các yêu cầu, bản dự thảo đầu tiên	<p>Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda này quy định các yêu cầu chung về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm dùng cho người hoặc chế biến thêm, đặc biệt áp dụng trong những trường hợp không có tiêu chuẩn sản phẩm cụ thể của Uganda. Dự đưa ra các yêu cầu cơ bản cần được đáp ứng để thực phẩm được xác nhận là an toàn</p>
31	G/SPS/N/CAN/1244/Add.11	Canada	10/3/2021	Ra lệnh áp đặt các điều kiện liên quan đến các khu vực kiểm soát thứ cấp đối với bệnh dịch tả lợn Châu Phi	<p>Canada đã mở rộng danh sách các khu vực hoặc quốc gia có khả năng bị ảnh hưởng bởi biện pháp này để bao gồm cả Malaysia. Các khu vực hoặc quốc gia bao gồm cả Việt Nam; Phụ lục này liên quan đến: Mở rộng danh sách các khu vực hoặc quốc gia có thể bị ảnh hưởng bởi biện pháp này.</p>
32	G/SPS/N/USA/3235	Hoa Kỳ	15/3/2021	Dư lượng thuốc trừ sâu picarbutrazox. Quy tắc cuối cùng	<p>Quy định này thiết lập các mức dư lượng tồn dư thuốc trừ sâu picarbutrazox trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa</p>
33	G/SPS/N/USA/3234	Hoa Kỳ	15/3/2021	Dư lượng thuốc trừ sâu quizalofop ethyl. Quy tắc cuối cùng	<p>Quy định này thiết lập các mức dư lượng thuốc trừ sâu quizalofop ethyl trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa.</p>

34	G/SPS/N/USA/3233	Hoa Kỳ	15/3/2021	Dư lượng thuốc trừ sâu fthluidapyr. Quy tắc cuối cùng	Quy định này thiết lập các mức dư lượng thuốc trừ sâu fluindapyr trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa.
35	G/SPS/N/GBR/6	Vương quốc Anh	15/3/2021	Dự thảo mức dư lượng tối đa (MRLs) dimethoate và omethoate, điều chỉnh sửa đổi	Tài liệu dự thảo mức dư lượng tối đa chất dimethoate và omethoate. Sau quyết định không được phê duyệt thông qua của hoạt chất dimethoate, tất cả các giấy phép liên quan đến các sản phẩm bảo vệ thực vật của hoạt chất trên bị thu hồi
36	G/SPS/N/EU/466	Liên minh Châu Âu	15/3/2021	Quy định của Ủy ban (EU) sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức dư lượng tối đa của cadmium trong một số loại thực phẩm	Dự thảo quy định hạ thấp mức dư lượng tối đa hiện có đối với cadmium hoặc thiết lập mức dư lượng tối đa mới cho cadmium trong trái cây họ cam quýt, trái cây họ táo, trái cây họ đào, ô, kiwi, chuối, xoài, đu đủ và dưa, quả mọng và trái cây nhỏ, hạt cây, củ cải, nhiệt đới rễ và củ, rễ mùi tây, củ cải, củ dền, rau cải thìa, rau củ (trừ tỏi), rau ăn quả, rau cải thìa, rau ăn lá (trừ lá gai và các loại lá tương tự, cây mù tạt và các loại thảo mộc tươi), rau họ đậu, rau thân, nấm, đậu, hạt có dầu (trừ đậu nành), lúa mạch đen, lúa mạch, gạo, quinoa, cám lúa mì, v.v...
37	G/SPS/N/EU/465	Liên minh Châu Âu	15/3/2021	Dự thảo Quy định của Ủy ban (EU) sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức chì tối đa trong một số loại thực phẩm	Dự thảo quy định hạ thấp mức tối đa hiện có đối với chì hoặc thiết lập mức tối đa mới cho cadmium trong sữa công thức dành cho trẻ em được bán dưới dạng bột, thực phẩm chế biến từ ngũ cốc và thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, thực phẩm dành cho mục đích y tế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ được bán dưới dạng bột, đồ uống dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ được dán nhãn, nội

					tạng, nấm dại, nghệ tươi, gừng tươi, rượu vang, rượu thơm, đồ uống làm từ rượu thơm và cocktail từ sản phẩm rượu thơm, rượu mùi làm từ nho, gia vị khô, muối.
38	G/SPS/N/EU/464	Liên minh Châu Âu	15/3/2021	Đề xuất về Quy định của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng sửa đổi Quy định (EU) 2017/625 liên quan đến các biện pháp kiểm soát chính thức đối với động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật xuất khẩu từ các nước thứ ba sang Liên minh để đảm bảo tuân thủ việc cấm sử dụng một số chất kháng khuẩn.	Các biện pháp kiểm soát về việc cấm sử dụng một số sản phẩm thuốc thú y kháng khuẩn đối với động vật và các sản phẩm có nguồn gốc động vật xuất khẩu sang Liên minh châu Âu được đưa vào phạm vi của Quy định (EU) 2017/625 về kiểm soát chính thức (được thông báo trong thông báo G/SPS/N/EU/43/add.2).

B. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐÃ CÓ HIỆU LỰC

TT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề	Tóm tắt
1	G/SPS/N/IDN/115/A dd.1	Indonesia	09/3/2021	Quy định của cơ quan kiểm soát thực phẩm và dược phẩm quốc gia Indonesia (NADFC) số 22 năm 2016 liên quan đến yêu cầu sử dụng phụ gia tạo hương vị thực phẩm	Quy định của Chủ tịch NADFC Indonesia số 22 năm 2016 liên quan đến yêu cầu sử dụng hương liệu phụ gia thực phẩm quy định của NADFC số 13 năm 2020 về hương liệu là phiên bản sửa đổi của quy định của Chủ tịch FDA Indonesia số 22 năm 2016 về yêu cầu sử dụng hương liệu. Quy định này bao gồm việc phân loại hương liệu, mức tối đa của hương liệu, danh sách phụ gia tạo hương, danh sách các chất tạo hương, danh sách nguồn nguyên liệu thơm tự nhiên và/hoặc nguồn chế phẩm tạo hương, tên

					<p>các chất tạo hương được phép sử dụng như hương liệu, danh mục hương liệu được phép sử dụng trong công thức sản xuất, danh mục hương liệu được phép sử dụng trong thức ăn bổ sung cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, lượng dung môi chiết xuất tối đa trong sản phẩm thực phẩm dùng cho quá trình tạo hương, ghi nhãn và cũng như các yêu cầu đối với việc sử dụng hương liệu không được đề cập trong quy định này.</p> <p>Các điều khoản mới của quy định này bao gồm: danh sách dung môi làm hương liệu phụ trợ, và danh sách các nguồn nguyên liệu thơm tự nhiên và/hoặc nguồn các chế phẩm hương liệu. Hương liệu và thực phẩm chế biến có chứa hương liệu đã được cấp phép lưu hành phải tuân thủ quy định này trước 24 tháng kể từ ngày ban hành.</p>
2	G/SPS/N/JPN/724/ Add.1	Nhật Bản	10/3/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)	<p>Việc thiết lập các thông số kỹ thuật cho Axit iso-α-đăng, Axit béo cao (Axit caprylic), Axit béo cao (Axit capric), Axit béo cao (Axit stearic), Axit béo cao (Axit palmitic), Axit béo cao (Behenic Axit), Axit béo cao (Axit myristic), Axit béo cao (Axit lauric) và vôi sống, và sửa đổi các thông số kỹ thuật cho Ethyl Acetoacetate được thông báo trong G / SPS / N / JPN / 724 (ngày 28 tháng 01 năm 2020) đã được thông qua và ban hành vào ngày 18 tháng 6 năm 2020.</p>
3	G/SPS/N/JPN/716/ Add.1	Nhật Bản	10/3/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm và các	<p>Việc cho phép difenoconazole làm phụ gia thực phẩm và thiết lập các thông số kỹ thuật</p>

				thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)	và tiêu chuẩn được thông báo trong G / SPS / N / JPN / 716 (ngày 20 tháng 01 năm 2020) đã được thông qua và công bố vào ngày 18/6/2020.
4	G/SPS/N/JPN/699/ Add.1	Nhật Bản	10/3/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)	Việc cho phép psicose epimerase làm phụ gia thực phẩm và thiết lập các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn được thông báo trong G / SPS / N / JPN / 699 (ngày 6 tháng 12 năm 2019) đã được thông qua và công bố vào ngày 31 tháng 3 năm 2020.
5	G/SPS/N/TPKM/ 532/Add.1	Đài Loan	12/3/2021	Quy định đối với các giới hạn sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của astaxanthin được sản xuất bởi chủng escherichia coli biến đổi gen Ast12 như một thành phần thực phẩm	Dự thảo quy định về hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của astaxanthin được sản xuất bởi chủng <i>Escherichia coli</i> biến đổi gen Ast12 như một Thành phần thực phẩm vào ngày 17 tháng 6 năm 2020 (G / SPS / N / TPKM / 532). Quy định cuối cùng được ban hành vào ngày 11 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực vào ngày công bố.
6	G/SPS/N/EGY/92/ Add.2	Ai Cập	15/3/2021	Nghị định số 100/2019 cho phép các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp sáu tháng để tuân thủ các tiêu chuẩn của Ai Cập liên quan đến một số sản phẩm thực phẩm	Phụ lục này liên quan đến việc thông báo Nghị định số 653/2020 kéo dài thời hạn sử dụng lên chín tháng đối với cá đông lạnh và mười tháng đối với gan đông lạnh kể từ ngày giết mổ. Nghị định này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, liên quan đến Tiêu chuẩn Ai Cập ES 2613-2 / 2008 về "Thời hạn sử dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phần 2: thời hạn sử dụng" (18 trang, bằng tiếng Ả Rập). Cần lưu ý rằng Tiêu chuẩn Ai Cập ES 2613-2 / 2008 về "Thời hạn sử dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phần 2" và Nghị định số

					<p>209/2020 của Bộ trưởng (2 trang, bằng tiếng Ả Rập) trước đây đã được thông báo trong G / SPS / N / EGY / 92 / Add.1 ngày 3 tháng 6 năm 2020. Các nhà sản xuất và nhập khẩu được thông báo về bất kỳ sửa đổi nào trong tiêu chuẩn Ai Cập thông qua việc công bố các mệnh lệnh hành chính trên Công báo. Ngày đề xuất thông qua: 30/ 12 /2020 Ngày có hiệu lực: 17 tháng 1 năm 2021</p>
--	--	--	--	--	--

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập website của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), địa chỉ: <https://docs.wto.org>